

KHỐI 12
KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM
TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

I. KHÁI QUÁT VHVN TỪ CMTT NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975:

1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:

- CMTT thành công đã mở kỉ nguyên mới cho dân tộc, khai sinh một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.
- Đường lối văn nghệ của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quan trọng đã tạo nên một nền văn học thống nhất.
- Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ kéo dài suốt 30 năm đã tạo nên những đặc điểm và tính chất riêng của nền văn học hình thành và phát triển trong điều kiện chiến tranh lâu dài và vô cùng ác liệt.
- Nền kinh tế còn nghèo và chậm phát triển.
- Giao lưu văn hoá hạn chế, chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc).

2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:

a. Chặng đường từ 1945 đến 1954:

*** Chủ đề chính:**

- 1945 – 1946: Phản ánh được không khí hồ hởi, vui sướng đặc biệt của nhân dân khi đất nước vừa giành được độc lập.
- 1946 – 1954:
 - + Phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp: gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến.
 - + Tập trung khám phá sức mạnh và những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân.
 - + Thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

*** Thành tựu:**

- Truyện ngắn và kí: (SGK)
 - + *Một lần tới Thủ đô* và *Trận phố Ràng* (Trần Đăng) ,
 - + *Đôi mắt*, *Ở rừng* (Nam Cao) ;
 - + *Làng* (Kim Lân) ;
 - + *Thư nhà* (Hồ Phương) ,...
 - + *Vùng mỏ* (Võ Huy Tâm) ;
 - + *Xung kích* (Nguyễn Đình Thi) ;
 - + *Đất nước đứng lên* (Nguyễn Ngọc) ,...
- Thơ ca:
 - + *Cảnh khuya*, *Cảnh rừng Việt Bắc*, *Rằm tháng giêng*, *Lên núi*.. (Hồ Chí Minh),
 - + *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm),
 - + *Tây Tiến* (Quang Dũng),..
 - + *Việt Bắc* (Tố Hữu).
- Kịch:
 - + *Bắc Sơn*, *Những người ở lại* (Nguyễn Huy Tưởng)
 - + *Chị Hòa* (Học Phi)
 - Lí luận, phê bình:
 - + *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam* (Trương Chinh)

- + *Nhận đường, Mấy vấn đề về văn nghệ* (Nguyễn Đình Thi)
- + *Quyền sống của con người trong “Truyện Kiều”* (Hoài Thanh)

b. Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964:

*** Chủ đề chính:**

- Ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội
- Nỗ lực chia cắt và ý chí thống nhất đất nước.

*** Thành tựu:**

- Văn xuôi: mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi của cuộc sống:
 - + **Đề tài về sự đổi đời, khát vọng hạnh phúc của con người:**

o *Đi bước nữa* (Nguyễn Thế Phương)

o *Mùa lạc* (Nguyễn Khải)

o *Anh Keng* (Nguyễn Kiên)

+ Đề tài cuộc kháng chiến chống Pháp:

o *Sống mãi với thủ đô* (Nguyễn Huy Tưởng)

o *Cao điểm cuối cùng* (Hữu Mai)

o *Trước giờ nổ súng* (Lê Khâm)

+ Đề tài hiện thực đời sống trước CMTT:

o *Tranh tôi tranh sáng* (Nguyễn Công Hoan).

o *Mười năm* (Tô Hoài).

o *Vỡ bờ* (Nguyễn Đình Thi).

o *Cửa biển* (Nguyễn Hồng).

+ Đề tài công cuộc xây dựng CNXH:

o *Sông Đà* (Nguyễn Tuân).

o *Bốn năm sau* (Nguyễn Huy Tưởng).

o *Cái sân gạch* (Đào Vũ).

- Thơ ca: nhiều tập thơ xuất sắc

+ *Gió lộng* (Tố Hữu).

+ *Ánh sáng và phù sa* (Chế Lan Viên).

+ *Riêng chung* (Xuân Diệu).

+ *Đất nở hoa* (Huy Cận).

+ *Tiếng sóng* (Tế Hanh).

- Kịch nói:

+ *Một Đảng viên* (Học Phi).

+ *Ngọn lửa* (Nguyễn Vũ).

+ *Chị Nhàn và Nỗi gió* (Đào Hồng Cẩm).

c. Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975:

*** Chủ đề chính:**

Ngợi ca tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng

*** Thành tựu:**

- Văn xuôi: Phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc họa hình ảnh con người VN anh dũng, kiên cường, bất khuất.

+ Ở miền Nam:

o *Người mẹ cầm súng* (Nguyễn Thi)

o *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành).

- o Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng).
- o Hòn Đất (Anh Đức).
- o Mẫn và tôi (Phan Tứ).
- + Miền Bắc:
 - o Kháng chiến chống Mĩ của Nguyễn Tuân
 - o Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Vũ Thị Thường, Đỗ Chu
 - o Tiểu thuyết: Vùng trời (Hữu Mai), Cửa sông và Dấu chân người lính (Nguyễn Minh Châu), Bão biển (Chu Văn).
 - Thơ ca: mở rộng và đào sâu hiện thực, tăng cường chất suy tưởng và chính luận.
 - + Ra trận, Máu và hoa (Tố Hữu)
 - + Hoa ngày thường, Chim báo bão (Chế Lan Viên)
 - + Đầu súng trăng treo (Chính Hữu)
 - + Vàng trăng quàng lửa (Phạm Tiến Duật)
 - + Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)
 - + Gió Lào cát trắng (Xuân Quỳnh)
 - + Hương cây, Bếp lửa (Lưu Quang Vũ và Bằng Việt)
 - + Cát trắng (Nguyễn Duy),
 - + Góc sân và khoảng trời (Trần Đăng Khoa)
 - Kịch nói:
 - + Quê hương Việt Nam, Thời tiết ngày mai (Xuân Trình)
 - + Đại đội trưởng của tôi (Đào Hồng Cẩm)
 - + Đôi mắt (Vũ Dũng Minh)
 - Lí luận, phê bình:

Các công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên...

d. Văn học vùng địch tạm chiếm:

- Phức tạp: xen kẽ nhiều xu hướng phản động, tiêu cực, đòi truy và tiến bộ, yêu nước, cách mạng.
- Hình thức thể loại: gọn nhẹ như truyện ngắn, phóng sự, bút kí.
- Tác phẩm tiêu biểu:
 - + Hương rừng Cà Mau (Sơn Nam)
 - + Thương nhớ mười hai (Vũ Bằng)

3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975

a. Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.

- Khuynh hướng, tư tưởng chủ đạo: tư tưởng cách mạng, văn học là thứ vũ khí phục vụ sự nghiệp cách mạng, nhà văn là người chiến sĩ
- Đề tài: Tổ Quốc với hai vấn đề trọng đại: đấu tranh bảo vệ, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội
- Nhân vật trung tâm: người chiến sĩ, dân quân, du kích, TNXP; người lao động mới có sự hòa hợp giữa cái riêng và cái chung, cá nhân và tập thể.
- Văn học là tấm gương phản chiếu những vấn đề trọng đại của LSĐT.

b. Nền văn học hướng về đại chúng:

- Đại chúng: vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ, vừa là nguồn bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học

- Cái nhìn mới của người sáng tác về nhân dân: Đất nước là của nhân dân.
- Nội dung:
 - + quan tâm đến đời sống nhân dân lao động;
 - + những bất hạnh trong cuộc đời cũ và niềm vui sướng, tự hào về cuộc đời mới;
 - + khả năng cách mạng và phẩm chất anh hùng;
 - + xây dựng hình tượng quần chúng cách mạng
- Hình thức: ngắn gọn, dễ hiểu, chủ đề rõ ràng, hình thức nghệ thuật quen thuộc, ngôn ngữ bình dị, trong sáng.

c. Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

* Khuynh hướng sử thi:

- Đề tài: đề cập tới những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và tính chất toàn dân tộc: Tổ quốc còn hay mất, độc lập hay nô lệ
- Nhân vật chính:
 - + những con người đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của dân tộc, tiêu biểu cho lí tưởng dân tộc hơn là khát vọng cá nhân;
 - + văn học khám phá con người ở khía cạnh trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ công dân, ý thức chính trị, tình cảm lớn, lẽ sống
- Lời văn: mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng (Sử dụng BPNT trùng điệp, phóng đại).

* Cảm hứng lãng mạn:

- Là cảm hứng khẳng định cái tôi dạt dào tình cảm hướng tới cách mạng
- Biểu hiện:
 - + Ngợi ca cuộc sống mới, con người mới,
 - + Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.
- Cảm hứng nâng đỡ con người vượt lên những chặng đường chiến tranh gian khổ, máu lửa, hi sinh.

II. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VHVN TỪ NĂM 1975 ĐẾN HẾT TK XX:

1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:

- 1975 - 1985: nước nhà hoàn toàn độc lập, thống nhất ta nhưng gặp phải những khó khăn thử thách mới.
- Từ 1986: Đảng đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện.
- + Kinh tế: Chuyển sang kinh tế thị trường
- + Văn hoá: Tiếp xúc rộng rãi với nhiều nước trên thế giới → văn học có điều kiện giao lưu, tiếp xúc mạnh mẽ (văn học dịch thuật, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ) → đổi mới văn học phù hợp với quy luật khách quan và nguyện vọng của văn nghệ sĩ

2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu:

a. Thơ:

- Thơ không tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như giai đoạn trước nhưng vẫn có những tác phẩm đáng chú ý:
- + Chế Lan Viên với khát vọng đổi mới thơ ca qua các tập thơ *Di cảo*,
- + các cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ như Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Thanh Thảo...

- Trường ca nổi rộ:
 - + *Những người đi tới biển* (Thanh Thảo)
 - + *Đường tới thành phố* (Hữu Thịnh)
 - + *Trường ca sư đoàn* (Nguyễn Đức Mậu)

- Những tác phẩm đáng chú ý:

- + *Tự hát* (Xuân Quỳnh)
- + *Người đàn bà ngồi đan* (Ý Nhi)
- + *Thư mùa đông* (Hữu Thịnh)
- + *Ánh trăng* (Nguyễn Duy)
- + *Xúc sắc mùa thu* (Hoàng Nhuận Cầm)
- + *Nhà thơ và hoa cỏ* (Trần Nhuận Minh)
- + *Gọi nhau qua vách núi* (Thị Hoàng)
- + *Tiếng hát tháng giêng* (Y Phương)
- + *Sự mất ngủ của lửa* (Nguyễn Quang Thiều)

b. Văn xuôi:

- Có nhiều khởi sắc hơn thơ ca.
- Một số cây bút bộc lộ ý thức đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống.
 - + *Đất trắng* (Nguyễn Trọng Oánh)
 - + *Hai người trở lại trung đoàn* (Thái Bá Lộc)
 - + *Đứng trước biển, Cù lao Tràm* (Nguyễn Mạnh Tuấn)
 - + *Cha và con và ... , Gặp gỡ cuối năm* (Nguyễn Khải)
 - + *Mưa mùa hạ, Mùa lá rụng trong vườn* (Ma Văn Kháng)
 - + *Thời xa vắng* (Lê Lựu)
 - + *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Bến quê* (Nguyễn Minh Châu)
- Từ năm 1986: văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới: gần bó, cập nhật hơn đời sống. Văn xuôi thực sự khởi sắc với các thể loại:

+ Tập truyện ngắn:

- o *Chiến thuyền ngoài xa, Cỏ Lầu* (Nguyễn Minh Châu)
- o *Tướng về hưu* (Nguyễn Huy Thiệp)

+ Tiểu thuyết:

- o *Mảnh đất lắm người nhiều ma* (Nguyễn Khắc Tường)
- o *Bến không chồng* (Dương Hương)
- o *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh)
- + **Bút kí:** *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)
- + **Hồi kí:** *Cát bụi chân ai , Chiều chiều* (Tô Hoài)

- Kịch nói: phát triển mạnh mẽ
 - + *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)
 - + *Mùa hè ở biển* (Xuân Trinh) ,...

- Lí luận phê bình: có nhiều đổi mới, xuất hiện một số cây bút trẻ có triển vọng

2. Những dấu hiệu của sự đổi mới:

- Vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc.
- Phát triển đa dạng hơn về đề tài, chủ đề; phong phú và mới mẻ về thủ pháp nghệ thuật, cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy

- Khám phá con người trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp, thể hiện con người ở nhiều phương diện của đời sống, kể cả đời sống tâm linh.

→ Cái mới của văn học giai đoạn này là tính chất hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường.

→ Văn học cũng nảy sinh xu hướng: nói nhiều đến mặt trái của xã hội, có khuynh hướng bạo lực.

I. Cách làm bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí:

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:

Đề bài:

Anh (chị) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu:

“ Ôi ! Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn? ”

a. Tìm hiểu đề:

- Vấn đề nghị luận: lối sống đẹp của mỗi người .

- Đề sống đẹp, mỗi người cần xác định:

+ Lí tưởng (mục đích sống) đúng đắn, cao cả,

+ Tâm hồn, tình cảm lành mạnh, nhân hậu

+ Trí tuệ (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt

+ Hành động tích cực, lương thiện.

- Với thanh niên, học sinh muốn trở thành người “ *sống đẹp* ” cần:

+ Chăm chỉ học tập, khiêm tốn học hỏi, biết nuôi dưỡng hoài bão, ước mơ

+ Thường xuyên tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, có tinh thần bao dung, độ lượng

- Các thao tác lập luận cần vận dụng:

+ Giải thích (“sống đẹp”);

+ Phân tích (các khía cạnh biểu hiện của “sống đẹp”);

+ Chứng minh, bình luận (nêu những tấm gương người tốt; bàn cách thức rèn luyện để “sống đẹp”; phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực)

- Dẫn chứng: chủ yếu tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều.

b. Lập dàn ý:

*** Mở bài: Phải bảo đảm hai yêu cầu chính**

- Giới thiệu chung vấn đề (diễn dịch, quy nạp hay phản đề... đều phải dẫn đến vấn đề nghị luận)

- Nêu luận đề cụ thể (dẫn nguyên văn hoặc tóm tắt đều phải xuất hiện câu/đoạn chứa luận đề)

*** Thân bài:**

- Giải thích thế nào là lối sống đẹp? (Ý 2 của Tìm hiểu đề)

- Phân tích, chứng minh các khía cạnh biểu hiện của sống đẹp bằng 1 trong 2 cách:

+ Cách 1: Nêu ví dụ điển hình, tập trung, tiêu biểu cho các khía cạnh đã nêu (Tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

+ Cách 2: Mỗi khía cạnh quan trọng đưa ra dẫn chứng tiêu biểu khác nhau hoặc trong đời sống thông ngày mà ai cũng phải thừa nhận (một gương người tốt, một việc làm đẹp)

- Bình luận: Khẳng định lối sống đẹp:

+ Là mục đích, lựa chọn, biểu hiện của con người chân chính, xứng đáng là người

- + Có thể thấy ở những vĩ nhân nhưng cũng có ở con người bình thường; có thể là hành động cao cả, vĩ đại, nhưng cũng thấy trong hành vi, cử chỉ thường ngày
- + Chủ yếu thể hiện qua lối sống, hành động.
 - Bác bỏ và phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực...
 - Liên hệ bản thân.

* Kết bài:

- Khẳng định ý nghĩa của lối sống đẹp: là chuẩn mực đạo đức, nhân cách của con người
- Nhắc nhở mọi người coi trọng lối sống đẹp, sống cho xứng đáng; cảnh tỉnh sự mất nhân cách của thế hệ trẻ trong đời sống nhiều cám dỗ hiện nay.

2. Cách làm một bài văn về tư tưởng, đạo lý:

a. Đối tượng được đưa ra nghị luận: là một tư tưởng, đạo lý (Nhân thức, Tâm hồn, tính cách, Quan hệ gia đình, Quan hệ xã hội, Cách ứng xử, hành động trong cuộc sống...)

b. Cách thức tiến hành:

- Thứ nhất, giới thiệu vấn đề đưa ra bàn luận.
- Thứ hai, giải thích tư tưởng, đạo lý cần bàn luận (Nêu các khía cạnh biểu hiện của tư tưởng, đạo lý này)
- Thứ ba, phân tích, chứng minh, bình luận các khía cạnh; bác bỏ, phê phán những sai lệch liên quan.
- Thứ tư, khẳng định chung, nêu ý nghĩa, liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hành động.

* Diễn đạt:

- Chuẩn xác, mạch lạc
 - Có thể sử dụng phép tu từ, biểu cảm nhưng phải ở mức độ phù hợp
- Ghi nhớ (Sách giáo khoa trang 21)

